

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Quy định mức thu chi phí đào tạo Sau đại học, Đại học và Cao đẳng
từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

- Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;
 - Căn cứ Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 08/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y khoa thành Trường Đại học Y Dược thuộc Đại học Thái Nguyên;
 - Căn cứ Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;
 - Căn cứ Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên”;
 - Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc “Ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc”;
 - Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 02/10/2015 về việc “Quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập”;
 - Căn cứ Công văn số 847/CV-ĐHYD ngày 28/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên trình Đại học Thái Nguyên về việc “Thu chi phí đào tạo năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021”;
 - Căn cứ vào thỏa thuận giữa Trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên với các cơ sở phối hợp đào tạo về việc đào tạo nguồn nhân lực y tế;
- Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định mức thu chi phí đào tạo (học phí, kinh phí đào tạo) đối với các hệ đào tạo Sau đại học, Đại học và Cao đẳng từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 -2021. Học phí, kinh phí được tính theo tháng, một năm thu 10 tháng. Cụ thể như sau:

I. Đào tạo Sau đại học

1.1. Đối tượng đào tạo hệ Ngân sách Nhà nước

1.1.1. Đào tạo Nghiên cứu sinh, Chuyên khoa cấp II:

- + Năm học 2015 - 2016: Học phí: 2.200.000đ/tháng/người
- + Năm học 2016 - 2017: Học phí: 2.425.000đ/tháng/người
- + Năm học 2017 - 2018: Học phí: 2.675.000đ/tháng/người

- + Năm học 2018 - 2019: Học phí: 2.950.000đ/tháng/người
- + Năm học 2019 - 2020: Học phí: 3.250.000đ/tháng/người
- + Năm học 2020 - 2021: Học phí: 3.575.000đ/tháng/người
- 1.1.2. Đào tạo Cao học, Bác sỹ Nội trú, Chuyên khoa cấp I:
- + Năm học 2015 - 2016: Học phí: 1.320.000đ/tháng/người
- + Năm học 2016 - 2017: Học phí: 1.455.000đ/tháng/người
- + Năm học 2017 - 2018: Học phí: 1.605.000đ/tháng/người
- + Năm học 2018 - 2019: Học phí: 1.770.000đ/tháng/người
- + Năm học 2019 - 2020: Học phí: 1.950.000đ/tháng/người
- + Năm học 2020 - 2021: Học phí: 2.145.000đ/tháng/người

1.2. Đối tượng đào tạo hệ liên kết đào tạo, thí sinh tự do

1.2.1. Đào tạo Nghiên cứu sinh, Chuyên khoa cấp II:

- + Năm học 2015 - 2016: Học phí: 2.200.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2016 - 2017: Học phí: 2.425.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2017 - 2018: Học phí: 2.675.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2018 - 2019: Học phí: 2.950.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2019 - 2020: Học phí: 3.250.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2020 - 2021: Học phí: 3.575.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người

1.2.2. Đào tạo Cao học, Bác sỹ Nội trú, Chuyên khoa cấp I:

- + Năm học 2015 - 2016: Học phí: 1.320.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2016 - 2017: Học phí: 1.455.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2017 - 2018: Học phí: 1.605.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2018 - 2019: Học phí: 1.770.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2019 - 2020: Học phí: 1.950.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2020 - 2021: Học phí: 2.145.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người

II. Đào tạo Đại học

2.1. Đối tượng đào tạo hệ Ngân sách Nhà nước, hệ cử tuyển, 62 huyện nghèo:

- + Năm học 2015 - 2016: Học phí: 880.000đ/tháng/người
- + Năm học 2016 - 2017: Học phí: 970.000đ/tháng/người
- + Năm học 2017 - 2018: Học phí: 1.070.000đ/tháng/người
- + Năm học 2018 - 2019: Học phí: 1.180.000đ/tháng/người
- + Năm học 2019 - 2020: Học phí: 1.300.000đ/tháng/người
- + Năm học 2020 - 2021: Học phí: 1.430.000đ/tháng/người

2.2. Đối tượng đào tạo đại học hệ theo địa chỉ, đào tạo cho Tây Bắc và đào tạo hệ liên thông, cử nhân Điều dưỡng hệ vừa làm vừa học (hệ liên kết đào tạo):

- + Năm học 2015 - 2016: Học phí: 880.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2016 - 2017: Học phí: 970.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2017 - 2018: Học phí: 1.070.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2018 - 2019: Học phí: 1.180.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2019 - 2020: Học phí: 1.300.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người
- + Năm học 2020 - 2021: Học phí: 1.430.000đ/tháng/người
Kinh phí: 900.000đ/tháng/người

Trong đó:

Cử nhân Điều dưỡng hệ vừa làm vừa học: Mức thu chi phí đào tạo theo số tháng thực học theo quy định.

III. Đào tạo Cao đẳng chính quy

3.1. Đối tượng đào tạo hệ Ngân sách Nhà nước, hệ cử tuyển, 62 huyện nghèo:

- + Năm học 2015 - 2016: Học phí: 704.000đ/tháng/người
- + Năm học 2016 - 2017: Học phí: 776.000đ/tháng/người
- + Năm học 2017 - 2018: Học phí: 856.000đ/tháng/người
- + Năm học 2018 - 2019: Học phí: 944.000đ/tháng/người
- + Năm học 2019 - 2020: Học phí: 1.040.000đ/tháng/người
- + Năm học 2020 - 2021: Học phí: 1.144.000đ/tháng/người

3.2. Đối tượng đào tạo cao đẳng hệ theo địa chỉ, đào tạo cho Tây Bắc (hệ liên kết đào tạo):


- + Năm học 2015 - 2016: Học phí: 704.000đ/tháng/người
Kinh phí: 720.000đ/tháng/người
- + Năm học 2016 - 2017: Học phí: 776.000đ/tháng/người
Kinh phí: 720.000đ/tháng/người
- + Năm học 2017 - 2018: Học phí: 856.000đ/tháng/người
Kinh phí: 720.000đ/tháng/người
- + Năm học 2018 - 2019: Học phí: 944.000đ/tháng/người
Kinh phí: 720.000đ/tháng/người
- + Năm học 2019 - 2020: Học phí: 1.040.000đ/tháng/người
Kinh phí: 720.000đ/tháng/người
- + Năm học 2021 - 2021: Học phí: 1.144.000đ/tháng/người
Kinh phí: 720.000đ/tháng/người

IV. Năm học văn hóa: Thu theo số tháng thực học, cụ thể như sau:

- + Năm học 2015 - 2016: Học phí: 610.000đ/tháng/người
- + Năm học 2016 - 2017: Học phí: 670.000đ/tháng/người
- + Năm học 2017 - 2018: Học phí: 740.000đ/tháng/người
- + Năm học 2018 - 2019: Học phí: 810.000đ/tháng/người
- + Năm học 2019 - 2020: Học phí: 890.000đ/tháng/người
- + Năm học 2020 - 2021: Học phí: 980.000đ/tháng/người

V. Ngoài ra, Nhà trường có mức thu theo thoả thuận đối với từng đối tượng cụ thể.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ học kỳ 2 năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và được thay thế Quyết định số 108/QĐ-YD ngày 12/01/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên về việc Quy định mức thu chi phí đào tạo Sau đại học, Đại học và Cao đẳng từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.

Điều 3. Các phòng chức năng, các đơn vị liên quan, các lớp học viên, sinh viên căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu P. KHTC; Văn thư.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Văn Sơn